

PHỤ LỤC

BẢNG THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quản lý hoạt động ngoại hối tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
1	Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG		
1	Các Điều sau tại Nghị định có dẫn chiếu việc tuân thủ quy định tại Thông tư của NHNN: Điều 102 Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ trong hoạt động ngoại hối Điều 103. Nguyên tắc minh bạch dòng tiền Điều 107. Nguyên tắc vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam Điều 108. Nguyên tắc cho vay ra nước ngoài Điều 110. Nguyên tắc cho vay đối với Bên đi vay trong nước Điều 112. Thủ tục khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi, báo cáo khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước Điều 113. Giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính Điều 114. Quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư từ trung tâm tài chính ra nước ngoài của thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ Điều 115. Đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ Điều 116. Điều kiện để thực hiện hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài Điều 118. Nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định các nội dung liên quan đến hoạt động ngoại hối của Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài và bên đi vay trong nước bao gồm: 1. Hoạt động sử dụng tài khoản bằng ngoại tệ của Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế (sau đây gọi là Thành viên), nhà đầu tư nước ngoài và bên đi vay trong nước để thực hiện các giao dịch liên quan đến sử dụng ngoại tệ; các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài; giao dịch liên quan đến hoạt động vay, cho vay. 2. Việc khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi liên quan đến khoản vay: a) Khai báo khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài của Thành viên; b) Khai báo, đăng ký khoản cho vay đối với cá nhân, tổ chức ở nước ngoài của Thành viên; c) Thủ tục khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi, báo cáo khoản vay từ Thành viên của bên đi vay trong nước. 3. Các giao dịch ngoại hối, đăng ký, đăng ký thay đổi liên quan đến giao dịch ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài của Thành viên. 4. Các hoạt động ngoại hối khác của Thành viên tại Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài.	Điều này điều chỉnh các nội dung đã được quy định nguyên tắc tại Nghị định và Nghị định có giao NHNN hướng dẫn chi tiết.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	Điều 121. Trách nhiệm báo cáo đối với thành viên; Điều 122. Trách nhiệm báo cáo của ngân hàng là thành viên Điều 125. Trách nhiệm của Cơ quan giám sát		
2	Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với: 1. Nhà đầu tư bao gồm: a) Ngân hàng nước ngoài; ngân hàng thương mại trong nước theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị quyết số 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính; b) Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Chính phủ về hoạt động đầu tư vào Trung tâm tài chính. c) Nhà đầu tư trong nước là tổ chức trừ quy định tại điểm a khoản này. 2. Thành viên Trung tâm tài chính (sau đây gọi là thành viên) bao gồm: a) Hiện diện của nhà đầu tư tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm: (i) Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài (sau đây gọi là ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài); (ii) Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn trong nước (sau đây gọi là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước); (iii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; b) Hiện diện của nhà đầu tư tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số.... 2. Nhà đầu tư nước ngoài tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số.... 3. Tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. 4. Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. 5. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động ngoại hối của Thành viên.	Tương thích với các đối tượng thực hiện quản lý ngoại hối tại Nghị định.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	3. Bên đi vay trong nước là người cư trú theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Nghị định này. 4. Các đối tượng bảo cáo theo quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống rửa tiền (sau đây gọi là đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính) tuân thủ quy định tại Chương X Nghị định này về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. 5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.		
3	Điều 4. Giải thích từ ngữ 7. Cho vay là hình thức cấp tín dụng thông qua việc bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho bên cho vay. 26. Đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của thành viên là việc chuyển vốn ra nước ngoài để đầu tư dưới các hình thức: Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; Mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý và thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại nước ngoài.	Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. Khoản vay từ Thành viên là chỉ khoản vay của Bên đi vay trong nước vay từ Thành viên dưới hình thức vay bằng tiền. 2. Khoản vay ngắn hạn là khoản vay có thời hạn vay đến 01 năm. 3. Khoản vay trung, dài hạn là khoản vay có thời hạn vay trên 01 năm.	Sử dụng các khái niệm tương thích trong quy định hiện hành về quản lý vay trả nợ nước ngoài, cho vay thu hồi nợ nước ngoài và quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài.
	27. Đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của Thành viên là việc chuyển vốn ra nước ngoài để đầu tư dưới hình thức mua, bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài.	4. Dự án đầu tư của bên đi vay trong nước là các dự án được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các văn bản có nội dung ghi nhận tổng vốn đầu tư, cơ cấu vốn thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 5. Thỏa thuận vay là một hoặc tập hợp một số văn bản (bao gồm thỏa thuận dưới hình thức thông điệp dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử) ghi nhận thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho bên đi vay một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất	

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	28. Bên đi vay trong nước là tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải Thành viên bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam có giao dịch vay từ thành viên Trung tâm tài chính quốc tế.	định với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi (nếu có thỏa thuận về lãi). 6. Cho vay ra nước ngoài là việc Thành viên thực hiện nghiệp vụ cho vay đối với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài là người không cư trú (sau đây gọi là cho vay ra nước ngoài). 7. Bên có nghĩa vụ là bên có nghĩa vụ thực hiện các quy định về khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi và chế độ báo cáo quy định tại Thông tư này. 8. Đăng ký giao dịch ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài là việc Thành viên thực hiện đăng ký với cơ quan có thẩm quyền các thông tin về Thành viên, vốn đầu tư, tài khoản vốn mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Thành viên để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và tiền độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này. 9. Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài là việc Thành viên thực hiện đăng ký thay đổi với cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này khi có phát sinh thay đổi liên quan đến Thành viên, vốn đầu tư, tài khoản vốn, tiền độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền. 10. Xác nhận đăng ký là việc cơ quan có thẩm quyền có văn bản xác nhận bên có nghĩa vụ đã thực hiện thủ tục đăng ký được quy định tại Thông tư này. 11. Xác nhận đăng ký thay đổi là việc cơ quan có thẩm quyền có văn bản xác nhận bên có nghĩa vụ đã thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi được quy định tại Thông tư này.	

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		12. Tỷ giá ngoại tệ để xác định giá trị tương đương quy định tại Thông tư này là tỷ giá giữa các loại ngoại tệ được niêm yết trên trang https://www.reuters.com/ hoặc https://www.bloomberg.com/. 13. Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam nơi Thành viên, nhà đầu tư nước ngoài và bên đi vay trong nước mở tài khoản thanh toán để thực hiện hoạt động ngoại hối quy định tại Thông tư này.	
4	Điều 108. Nguyên tắc cho vay ra nước ngoài 1. [...] 2. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải tuân thủ quy định về điều kiện cho vay ra nước ngoài quy định tại Nghị định này và thực hiện khai báo thông tin, tuân thủ chế độ báo cáo, thực hiện thủ	Điều 4. Nguyên tắc lập, gửi hồ sơ và trả kết quả thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi 1. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ: a) Bên có nghĩa vụ gửi 01 (một) bộ hồ sơ để thực hiện các thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi theo quy định tại Thông tư này theo một trong ba cách thức sau: a1) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cơ quan có thẩm quyền;	Nguyên tắc chung được xây dựng theo quy trình nộp hồ sơ phổ biến hiện nay, trong đó ngoài việc nộp trực tiếp và qua bưu điện, còn có cách thức nộp hồ sơ trực tuyến. Đối với phương thức trực tuyến, hiện tại, dự thảo đang quy định: Nộp trực tuyến tại Hệ thống một cửa
	tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Điều 110. Nguyên tắc cho vay đối với Bên đi vay trong nước 1. [...] 2. Bên đi vay trong nước phải tuân thủ quy định về điều kiện vay quy định tại Điều 111 Nghị định này, quy định về thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay, thủ tục khai báo khoản vay, chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này và quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.	a2) Gửi qua dịch vụ bưu chính tới Cơ quan có thẩm quyền; a3) Nộp trực tuyến tại Hệ thống một cửa điện tử liên quan đến Trung tâm tài chính quốc tế do Cơ quan điều hành xây dựng và quản lý. Hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. b) Các tài liệu trong hồ sơ là bản gốc, bản chính hoặc bản sao có xác nhận của bên có nghĩa vụ về việc sao từ bản chính. c) Bản dịch tiếng Việt của các tài liệu tiếng nước ngoài là bản dịch do bên có nghĩa vụ tự dịch hoặc thông qua một tổ chức cung cấp dịch vụ dịch thuật. Bên có nghĩa vụ	điện tử liên quan đến Trung tâm tài chính quốc tế do Cơ quan điều hành xây dựng và quản lý. (Hệ thống này được đề cập tại dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính quy định về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế).

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		xác nhận về tính chính xác của bản dịch tiếng Việt với nội dung bằng tiếng nước ngoài. d) Trường hợp bên có nghĩa vụ đồng thời thực hiện nhiều thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này tại cùng một thời điểm hoặc thực hiện trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xử lý hồ sơ khác của bên có nghĩa vụ, bên có nghĩa vụ không cần nộp lại các thành phần hồ sơ có nội dung trùng nhau cho cơ quan đang xử lý thủ tục hành chính. 2. Trả kết quả: Cơ quan có thẩm quyền trả kết quả xử lý thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này qua trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền.	
5	Theo quy định tại Điều 108 đã nêu trên.	Điều 5. Căn cứ xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi đối với giao dịch cho vay ra nước ngoài và giao dịch vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước và giao dịch đầu tư trực tiếp ra nước ngoài 1. Khi nhận được đề nghị đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch cho vay ra nước ngoài và giao dịch vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước, cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi trên các căn cứ sau: a) Việc Thành viên tuân thủ các điều kiện cho vay đối với tổ chức ở nước ngoài hoặc Bên đi vay trong nước tuân thủ quy định về điều kiện vay tại Nghị định quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. b) Ý kiến của các tổ chức, cơ quan có liên quan.	Quy định này nhằm đảm bảo tính minh bạch của chính sách.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		2. Đối với giao dịch đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Thành viên Khi nhận được đề nghị đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Thành viên, cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi trên các căn cứ sau: a) Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên hoặc tài liệu chứng minh được công nhận làm Thành viên; Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư. b) Ý kiến của các tổ chức, cơ quan có liên quan.	
6	Theo quy định tại Điều 108 đã nêu trên.	Điều 6. Quy định chung về thủ tục khai báo và công bố thông tin 1. Nguyên tắc khai báo: a) Thời điểm thực hiện khai báo: Trong vòng 30 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch chuyển tiền hoặc nhận tiền. b) Thông tin khai báo cơ bản gồm: b1) Đối với khoản vay: Thời điểm ký Thỏa thuận vay, Bên cho vay, quốc gia bên cho vay, giá trị khoản vay, mục đích sử dụng vốn vay, lãi suất vay, kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ và thông tin ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. b2) Đối với khoản cho vay: Thời điểm ký Thỏa thuận vay, Bên đi vay, quốc gia bên đi vay, giá trị khoản vay, mục đích sử dụng vốn vay, lãi suất vay, kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ và thông tin ngân hàng thương mại, chi	Khai báo thông tin là một biện pháp giúp cơ quan quản lý nắm bắt thông tin về giao dịch; tuy nhiên đây không phải là Thủ tục hành chính do Bên có nghĩa vụ chủ động thực hiện thủ tục này theo quy định, không có kết quả trả lời của cơ quan quản lý (tương tự việc báo cáo, song khác với báo cáo, việc khai báo phải thực hiện trước khi rút vốn/giải ngân khoản vay/khoản cho vay). Dự thảo yêu cầu bên có nghĩa vụ phải xuất trình văn bản chụp màn hình khai báo cho ngân hàng cung ứng dịch vụ để làm tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ khai báo.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. b3) Đối với các khoản đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tổng vốn đầu tư, quốc gia đầu tư, hình thức đầu tư, kế hoạch chuyển vốn và thông tin ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. b4) Đối với các khoản tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài là thành viên: Quy mô vốn/quy mô tài sản tại thời điểm khai báo, số dư vốn tự doanh ở nước ngoài, kế hoạch chuyển vốn tự doanh. b5) Đối với các khoản nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài là thành viên: Quy mô vốn/quy mô tài sản ủy thác tại thời điểm khai báo, số dư vốn nhận ủy thác ở nước ngoài, kế hoạch chuyển vốn nhận ủy thác. c) Sau khi khai báo thông tin, bên có nghĩa vụ phải lưu bản chụp màn hình đã khai báo để xuất trình cho ngân hàng thương mại nơi bên có nghĩa vụ mở tài khoản vốn khi thực hiện các giao dịch phải thực hiện thông qua tài khoản vốn theo quy định tại Nghị định quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. 2. Cách thức khai báo a) Việc khai báo của Thành viên được thực hiện thông qua Hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung của Trung tâm tài chính quốc tế. b) Việc khai báo khoản vay của Bên đi vay trong nước được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin dữ liệu về	

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		hoạt động vay, trả nợ của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh. c) Trường hợp chưa thiết lập Hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung của Trung tâm tài chính quốc tế hoặc Hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung của Trung tâm tài chính quốc tế gặp lỗi kỹ thuật, Thành viên gửi thông tin khai báo bằng văn bản hoặc Thư điện tử (Thư điện tử phải được gửi từ địa chỉ email chính thức đã đăng ký với Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính) đến Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. 3. Cách thức công bố thông tin tin đáp ứng điều kiện để thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của thành viên là ngân hàng thương mại: a) Thời điểm thực hiện công bố thông tin: Trong vòng 30 ngày làm việc sau khi được cấp phép. b) Các thông tin công bố bao gồm: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán thể hiện hoạt động kinh doanh có lãi; Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế tại thời điểm gần nhất, phương án đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	
7	Điều 18. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép, thu hồi Giấy phép Phương án 1: Ngân hàng Nhà nước thực hiện trong 5 năm đầu 1. Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Điều hành, Cơ quan Giám sát là Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập, hoạt động, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập, hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng là thành viên. 2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện cấp giấy phép, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng là thành viên	Điều 7. Cơ quan có thẩm quyền 1. Ngân hàng Nhà nước trong thời gian 05 năm đầu tiên kể từ khi thành lập Trung tâm tài chính. 2. Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính kể từ năm thứ 06 trở đi. 3. Trong thời gian 05 năm đầu tiên kể từ khi thành lập Trung tâm tài chính, Ngân hàng Nhà nước phân cấp như sau: a) Ngân hàng nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi đối với: a1) Khoản cho vay của Thành viên có giá trị từ 30 triệu USD hoặc loại ngoại tệ tương đương trở lên.	Quy định này hiện đang xây dựng theo Phương án 2 cục ATHT báo cáo Ban Lãnh đạo NHNN, theo đó, NHNN thực hiện mọi thủ tục cấp phép trong thời gian 05 năm đầu khi TTTC thành lập, sau đó từ năm thứ 6 chuyển giao sang cho các cơ quan trong TTTC. Theo phương án này, dự thảo đang phân cấp trách nhiệm tại NHNN theo hướng dựa trên tiêu chí về giá trị khoản vay/cho vay để phân cấp về NHNN Khu vực nơi bên có nghĩa vụ đặt trụ sở chính

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	trong 05 năm đầu (kể từ ngày thành lập trung tâm tái chính). Trong vòng 06 tháng trước khi kết thúc 05 năm đầu, Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chuyển giao nhiệm vụ cấp Giấy phép thành lập, hoạt động, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép thành lập, hoạt động đối với các Ngân hàng là thành viên cho Cơ quan Điều hành hoặc Cơ quan giám sát.	a2) Khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước có giá trị từ 30 triệu USD hoặc loại ngoại tệ tương đương trở lên. a3) Giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài đối với Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước. b) Ngân hàng nhà nước (Cục Quản lý giám sát tổ chức tín dụng) cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với Thành viên là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước. c) Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực nơi Thành viên đặt trụ sở chính thực hiện: c1) Xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi đối với các khoản cho vay của Thành viên và các khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước không thuộc điểm a1, a2 khoản 3 Điều này. c2) Xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài cho Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ. 4. Trường hợp phát sinh thay đổi dẫn đến thay đổi cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền ban đầu có trách nhiệm: a) Làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi của Thành viên; b) Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi của Thành viên, chuyển toàn bộ bản gốc hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi và bản sao hồ sơ đăng ký, hồ sơ đăng ký thay đổi đã thực hiện (nếu có) cho cơ quan có thẩm quyền mới để tiếp tục xử lý theo thời hạn quy định tại Thông tư này đồng thời thông báo	hoặc Cục QLNL, Cục QLNL xử lý các khoản có giá trị lớn để đảm bảo nắm bắt kịp thời các khóa vay/cho vay giá trị cao. Dự thảo đang xác định mức 30 triệu USD trở lên là mức Cục QLNL xử lý. Hiện nay, với việc vay nước ngoài, Cục QLNL xử lý từ mức trên 10 triệu USD trở lên, từ 10 triệu USD trở xuống thuộc thẩm quyền của NHNN chi nhánh khu vực nơi bên đi vay đặt trụ sở chính. Số lượng các khoản vay có giá trị từ 10 triệu trở lên là 884 khoản, chiếm khoảng 67% tổng kim ngạch đăng ký, từ 30 triệu USD trở lên là 448 khoản, chiếm khoảng 60% tổng giá trị đăng ký (số liệu thống kê giai đoạn 2020-2025). Căn cứ số liệu này thì với mức giá trị 30 triệu USD, Cục QLNL có thể giám tài 50% khối lượng công việc (số lượng khoản vay Cục QLNL phải xử lý giảm khoảng 436 khoản, số lượng này được chia về 15 chi nhánh khu vực); song Cục QLNL vẫn nắm bắt giá trị lớn đến 60% tổng kim ngạch đăng ký. Đối với hoạt động quản lý ngoại hối về đầu tư: Việc phân cấp trách nhiệm xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp, gián tiếp ra nước ngoài của: (i) Thành viên là Ngân hàng thương mại; và (ii) Thành viên không phải là Ngân hàng thương mại đang được quy định tương tự theo pháp luật hiện hành (tại Thông tư

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		với Thành viên về việc chuyển hồ sơ đăng ký thay đổi của Thành viên cho cơ quan có thẩm quyền mới.	12/2016/TT-NHNN và Thông tư 10/2016/TT-NHNN). Theo đó, Cục QLNH có trách nhiệm xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối cho Thành viên là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước. NHNN Khu vực nơi Thành viên đặt trụ sở chính có trách nhiệm xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối cho Thành viên không phải là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.
8		Điều 8. Nguyên tắc áp dụng pháp luật đối với Bên đi vay trong nước Việc Bên đi vay trong nước thực hiện khoản vay từ Thành viên tương tự quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối trong các trường hợp sau: 1. Bên đi vay bị chia, tách, hợp nhất hoặc sáp nhập; 2. Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay đương nhiên hết hiệu lực; 3. Xử lý khoản vay khi hồ sơ có thông tin gian lận, tài liệu giả mạo; 4. Quy định về quản lý ngoại hối liên quan đến giao dịch bảo đảm khoản vay thực hiện; 5. Sao gửi văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay, văn bản chấm dứt hiệu lực văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay; 6. Theo dõi vay, trả nợ của bên đi vay là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	Ngoài quy định về sử dụng tài khoản, các thủ tục đăng ký, khai báo, báo cáo, trong quá trình thực hiện khoản vay còn các nội dung khác có thể phát sinh đòi hỏi có quy phạm pháp luật xử lý. Trường hợp đưa các quy định này vào Thông tư sẽ dẫn tới nhiều nội dung và các nội dung này sẽ tương tự như khi bên đi vay vay từ nước ngoài. Do đó, dự thảo Thông tư có nội dung “quét” các trường hợp phát sinh trong quá trình thực hiện khoản vay (mà thông tư này chưa quy định) thì sẽ thực hiện theo quy phạm pháp luật về quản lý vay trả nợ nước ngoài hiện hành.
II	Chương II: QUY ĐỊNH VỀ TÀI KHOẢN THANH TOÁN CỦA THÀNH VIÊN, NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, BÊN ĐI VAY TRONG NƯỚC		

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
9	Điều 102. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ trong hoạt động ngoại hối [...] 4. Nhà đầu tư nước ngoài chỉ được sử dụng 01 tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ để thực hiện các giao dịch đầu tư nước ngoài vào trung tâm tài chính, đầu tư từ trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam.	Điều 9. Sử dụng Tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ dùng cho mục đích đầu tư của nhà đầu tư 1. Các giao dịch thu: a) Thu ngoại tệ từ nước ngoài chuyển vào; b) Thu tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài là Thành viên; c) Thu từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, bán các sản phẩm đầu tư từ các sản phẩm đầu tư trên các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế; Thu từ nhận cổ tức, trái tức, lãi từ đầu tư trên các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế; d) Các khoản thu hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong Trung tâm tài chính quốc tế. 2. Các giao dịch chi: a) Chi chuyển tiền thực hiện hoạt động góp vốn thành lập, mua lại cổ phần, phần vốn góp của Thành viên hoặc tổ chức kinh tế trong Trung tâm tài chính quốc tế; b) Chi chuyển tiền thực hiện đầu tư trên các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế; c) Chi thanh toán các khoản phí, lệ phí, thuế, nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí liên quan đến các giao dịch góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của Thành viên và liên quan đến các giao dịch đầu tư trên các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế; d) Chi chuyển vốn, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp bằng ngoại tệ từ hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài tại Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài;	Căn cứ cơ sở pháp lý tại khoản 4, Khoản 6 dự thảo Nghị định, Điều 9 dự thảo Thông tư quy định chi tiết về các giao dịch thu chi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài cho các mục đích: (i) Đầu tư từ nước ngoài vào trung tâm tài chính; (ii) Đầu tư từ trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam. Các quy định này nhằm đảm bảo cơ quan quản lý có thể theo dõi, thống kê số liệu liên quan đến hoạt động đầu tư của NĐTNN. (quy định tương tự như tại Thông tư 06/2019/TT-NHNN, Thông tư 12/2016/TT-NHNN, Thông tư 10/2016/TT-NHNN, Thông tư 03/2025/TT-NHNN)

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		đ) Các khoản chi hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế.	
10	Điều 102. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ trong hoạt động ngoại hối [...] 2. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được sử dụng 01 tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (mỗi loại ngoại tệ có thể mở 01 tài khoản tại một ngân hàng là thành viên) để thực hiện các hoạt động sau (sau đây gọi là tài khoản vốn): a) Vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam; b) Cho vay đối với cá nhân, tổ chức ở nước ngoài và bên đi vay trong nước;	Điều 10. Sử dụng tài khoản vốn của Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài 1. Nội dung thu a) Thu tiền rút vốn khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; b) Thu chuyển đổi ngoại tệ từ nguồn rút vốn khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trong trường hợp đồng tiền giải ngân từ bên cho vay không phải là đồng tiền của tài khoản vốn; c) Thu các khoản thu được phép từ giao dịch phái sinh liên quan đến khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; d) Thu lợi nhuận và các khoản thu nhập hợp pháp từ hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;	Các nội dung thu chi trên tài khoản này được quy định tương tự như thu chi của các tài khoản vay trả nợ nước ngoài, đầu tư nước ngoài theo pháp luật hiện hành (Thông tư 12/2022/TT-NHNN, Thông tư 06/2014/TT-NHNN,...)
	c) Đầu tư từ trung tâm tài chính ra nước ngoài; d) Đầu tư từ Trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam.	e) Thu chuyển vốn đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn đầu tư, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài; f) Thu ngoại tệ chuyển về nước từ việc bán công cụ đầu tư gián tiếp ở nước ngoài; g) Thu cổ tức và các khoản thu hợp pháp khác liên quan đến hoạt động tự doanh, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. h) Thu tiền thu hồi nợ (gốc, lãi) khoản cho vay đối với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và khoản cho vay đối với bên đi vay trong nước. i) Thu lãi được nhận tính trên số dư tài khoản theo quy định của pháp luật hiện hành.	

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		j) Thu từ (các) tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên; 2. Nội dung chi a) Chi chuyển tiền trả nợ (gốc, lãi) của khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, thanh toán các loại phí theo thỏa thuận vay, thanh toán khoản nhận nợ giữa Thành viên và bên bảo đảm là người không cư trú; b) Chi chuyển sang tài khoản ngoại tệ của Thành viên mở tại nước ngoài để thực hiện các cam kết theo thỏa thuận vay; c) Chi chuyển đổi ngoại tệ để trả nợ (gốc, lãi) của khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trong trường hợp đồng tiền trả nợ không phải là đồng tiền của tài khoản vốn; d) Chi các khoản chi được phép theo giao dịch phải sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất liên quan đến khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài. e) Chi giải ngân khoản cho vay ra nước ngoài và khoản cho vay đối với bên đi vay trong nước. f) Chi ngoại tệ ra nước ngoài để mua công cụ đầu tư gián tiếp ở nước ngoài, thanh toán các chi phí phát sinh tại nước ngoài liên quan đến hoạt động tự doanh, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; g) Các khoản chi hợp pháp khác liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, hoạt động tự doanh, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. h) Chi chuyển sang (các) tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên; i) Chi trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản và giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản.	

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
11	Điều 102. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ trong hoạt động ngoại hối 1. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được mở và sử dụng các tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng là thành viên theo quy định tại Điều 62 Nghị định này và quy định tại Điều này. Điều 105. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thành viên không là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài 1. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thành viên không là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại ngân hàng là thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 102 Nghị định này. 2. Thành viên không là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 3. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động, dịch vụ với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phải thực hiện thủ tục hành	Điều 11. Sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài 1. Nội dung thu: a) Thu ngoại tệ từ nước ngoài chuyển vào không phải mục đích thực hiện các giao dịch vay, đầu tư; b) Thu ngoại tệ từ việc cung ứng hoạt động, dịch vụ cho Thành viên khác; c) Thu ngoại tệ thanh toán tiền xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ từ tài khoản của người không cư trú là tổ chức mở tại ngân hàng được phép trên lãnh thổ Việt Nam; d) Nộp lại số ngoại tệ tiền mặt của tổ chức rút ra cho nhân viên đi công tác ở nước ngoài nhưng chỉ tiêu không hết tại ngân hàng được phép đã rút tiền. đ) Thu ngoại tệ từ các nguồn thu hợp pháp trong nước, bao gồm: (đ1) Thu từ việc mua ngoại tệ tại các ngân hàng được phép trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên; (đ2) Thu ngoại tệ đối với các trường hợp được thu ngoại tệ trong nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam. (đ3) Thu ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch nhận chi trả gốc và lãi tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ phù hợp với quy định pháp luật về tiền gửi có kỳ hạn. 2. Nội dung chi: a) Chi bán ngoại tệ cho các ngân hàng được phép trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên; b) Chi chuyển tiền, thanh toán cho các giao dịch với các Thành viên;	Về cơ bản, các nội dung thu chi trên tài khoản này được quy định tương tự như thu chi của tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của tổ chức, cá nhân mở tại ngân hàng được phép hoạt động trên lãnh thổ theo quy định tại Thông tư 16/2014/TT-NHNN. Ngoài ra, bổ sung nội dung thu, chi giữa các thành viên TTTC để phù hợp với chính sách vượt trội cho phép các thành viên được giao dịch với nhau bằng ngoại tệ.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	chính liên quan đến việc cấp phép mở và sử dụng tài khoản thanh toán ngoại tệ ở nước ngoài.	c) Chi chuyển tiền, thanh toán cho các hoạt động, giao dịch với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; d) Chi chuyển đổi ra các loại ngoại tệ khác tại Thành viên; e) Chi rút ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân làm việc cho tổ chức khi được cử ra nước ngoài công tác; f) Chi chuyển khoản hoặc rút ngoại tệ tiền mặt để trả lương, thưởng, phụ cấp cho người không cư trú, người cư trú là cá nhân nước ngoài; g) Chi cho các giao dịch hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.	
12	Điều 67. Mở tài khoản của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài 1. Ngân hàng là thành viên được mở tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tại ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của ngân hàng là thành viên tại ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về mở và sử dụng tài khoản thanh toán và hướng dẫn của Thông đốc Ngân hàng Nhà nước về sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ.	Điều 12. Sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tại ngân hàng trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên Việc sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên là Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên phù hợp với các quy định tại Điều 67 Nghị định số...	Quy định này hướng dẫn thực hiện khoản 1 Điều 67 đối với nội dung mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của ngân hàng thành viên tại ngân hàng được phép trên lãnh thổ theo nguyên tắc việc sử dụng tài khoản này thực hiện theo thỏa thuận giữa các ngân hàng và phù hợp với các quy định tại Dự thảo Nghị định TTC.
13	Điều 103. Nguyên tắc minh bạch dòng tiền 1. Thành viên, nhà đầu tư nước ngoài và các bên liên quan trong các giao dịch chuyển tiền thực hiện hoạt động nêu tại khoản 2 và khoản 4 Điều 102 có trách nhiệm ghi rõ mục đích của giao dịch chuyển tiền để ngân hàng là thành viên cung ứng dịch vụ tài khoản có cơ sở đối chiếu.	Điều 13. Minh bạch dòng tiền Thành viên và các bên liên quan khi thực hiện các giao dịch qua tài khoản vốn quy định tại Điều 6 Thông tư này có trách nhiệm ghi rõ tại lệnh chuyển tiền các thông tin cơ bản để làm cơ sở xác định giao dịch như sau: 1. Đối với giao dịch vay, cho vay:	Giao dịch vốn hiện đang quy định là tài khoản chuyên dùng cho nhiều loại giao dịch vốn: vay, cho vay, đầu tư nên cần có sự rõ ràng trong thông tin chuyển tiền. Nguyên tắc minh bạch dòng tiền đã được quy định tại Nghị định, giúp cơ quan quản lý dễ dàng tra soát, thống kê

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	kiểm tra, lưu giữ chứng từ và thực hiện giao dịch. 2. Việc ghi rõ mục đích chuyển tiền theo quy định tại khoản 1 phải đảm bảo lệnh chuyển tiền cần có các thông tin cơ bản để làm cơ sở xác định giao dịch. 3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn chi tiết Điều này.	a. Bên cho vay cần ghi rõ: “giải ngân khoản vay ngắn hạn/trung dài hạn; hợp đồng vay số...ngày...” theo ngôn ngữ của lệnh chuyển tiền; b. Bên đi vay khi chuyển tiền trả nợ cần ghi rõ: “trả nợ gốc/lãi/phi khoản vay ngắn hạn/trung dài hạn; hợp đồng vay số...ngày...” theo ngôn ngữ của lệnh chuyển tiền. 2. Đối với giao dịch đầu tư: a) Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán tài khoản nơi nhà đầu tư nước ngoài, thành viên mở tài khoản thanh toán phải yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài, thành viên ghi rõ mục đích chuyển tiền, hình thức đầu tư. b) Nhà đầu tư nước ngoài, Thành viên cần ghi rõ mục đích chuyển tiền, hình thức đầu tư khi chuyển tiền liên quan đến các giao dịch từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế, từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài và từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam.	các dòng tiền liên quan đến hoạt động đầu tư vào/ra trung tâm tài chính; Thông tư hướng dẫn chi tiết hơn thông tin tại lệnh chuyển tiền. Nội dung này đề xuất trên cơ sở làm việc kỹ thuật của Cục QLNH với một số NHTM trong đó các NHTM đề xuất NHNN có quy định rõ thông tin chuyển tiền để các bên thực hiện giao dịch có trách nhiệm làm rõ mục đích chuyển tiền, phục vụ việc phân loại giao dịch.
14	Điều 110. Nguyên tắc cho vay đối với Bên đi vay trong nước		Bên đi vay trong nước khi vay nước ngoài phải thực hiện qua tài khoản vay trả nợ nước ngoài; đối với, trường hợp vay từ thành viên, do đã yêu cầu bên cho vay (Thành viên) phải thực hiện qua tài khoản chuyên dùng để thông kê, theo dõi từng giao dịch cho vay (gồm cho vay vào trong nước) nên việc yêu cầu bên đi vay trong nước mở tài khoản chuyên dùng cho việc vay từ thành viên có thể tăng thêm nghĩa vụ mở tài khoản cho tổ chức kinh tế.
	1. Thành viên được cho vay bằng ngoại tệ đối với Bên đi vay trong nước. 2. Bên đi vay trong nước phải tuân thủ quy định về điều kiện vay quy định tại Điều 111 Nghị định này, quy định về thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay, thủ tục khai báo khoản vay, chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này và quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.	Điều 14. Tài khoản thanh toán của Bên đi vay trong nước để thực hiện khoản vay từ Thành viên 1. Bên đi vay trong nước được sử dụng tài khoản thanh toán để rút vốn, trả nợ khoản vay từ Thành viên. 2. Khi thực hiện giao dịch rút vốn, trả nợ khoản vay từ Thành viên, Bên đi vay trong nước và Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản có trách nhiệm tuân thủ quy định về minh bạch dòng tiền tại Điều 13 Thông tư này để có cơ sở ghi nhận, báo cáo tình hình thực hiện khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước.	
III	Chương III: QUY ĐỊNH KHAI BÁO KHOẢN VAY TỪ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI VÀ KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN		

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
15	Điều 107. Nguyên tắc vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam [...] 2. Khi vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam, Thành viên phải thực hiện khai báo thông tin và tuân thủ chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Điều 108. Nguyên tắc cho vay ra nước ngoài 1. Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ được cho cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam vay vốn. Khi cho vay đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam, thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải thực hiện khai báo thông tin và tuân thủ chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này và quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. [...]	Điều 15. Các khoản vay và khoản cho vay ra nước ngoài thuộc đối tượng khai báo 1. Thành viên có trách nhiệm khai báo đối với khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có giá trị từ 20.000 USD hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương trở lên. 2. Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ có trách nhiệm khai báo đối với khoản cho vay với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có giá trị từ 20.000 USD hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương trở lên. 3. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ có trách nhiệm khai báo đối với mọi khoản cho vay với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài không thuộc đối tượng phải đăng ký quy định tại Điều 14 Thông tư này.	Đây là các giao dịch đã Nghị quyết 222 cho phép thực hiện mà không phải tuân thủ điều kiện và thực hiện thủ tục đăng ký song vẫn phải khai báo, báo cáo. Để có cơ sở theo dõi dòng vốn, dự thảo Thông tư quy định Thành viên phải khai báo đối với các mức vay/cho vay có giá trị từ 20.000 USD trở lên. Đây là mức giá trị tham khảo từ quy định về phòng chống rửa tiền đối với các giao dịch lớn. - Đối với khoản cho vay tổ chức, cá nhân ở nước ngoài của Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn: Dự thảo Nghị định quy định điều kiện cho vay; sau khi đáp ứng điều kiện thì tùy vào giá trị giao dịch (20.000 USD) và thời hạn khoản cho vay (365 ngày) để xác định mức khai báo hoặc đăng ký (trước khi thực hiện) hoặc không phải khai báo/dăng ký, chỉ cần báo cáo sau khi thực hiện.
IV	Chương IV: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN		
16	Điều 108. Nguyên tắc cho vay ra nước ngoài [...] 2. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải tuân thủ quy định về điều kiện cho vay ra nước ngoài quy định tại Nghị định này và thực hiện khai báo thông tin, tuân thủ chế độ báo cáo, thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay	Điều 16. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài 1. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải đảm bảo đáp ứng điều kiện cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Nghị định số... và đăng ký trước khi thực hiện giải ngân các khoản cho vay ra nước ngoài, trừ các trường hợp sau: a. Khoản cho vay của ngân hàng thương mại có thời hạn cho vay theo thoả thuận cho vay từ 365 ngày trở	Dự thảo quy định Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải đăng ký trước khi giải ngân khoản cho vay nhằm “tiền kiểm” việc tuân thủ điều kiện cho vay ra nước ngoài (quy định tại Nghị định). Tuy nhiên, dự thảo cho phép một số trường hợp ngoại lệ không phải đăng ký trước, chỉ phải khai báo như đã đề cập tại thuyết

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	ra nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.	xuống hoặc giá trị cho vay không quá 5 triệu USD hoặc loại ngoại tệ tương đương; b. Khoản cho vay của Thành viên không phải ngân hàng thương mại có thời hạn cho vay theo thỏa thuận cho vay từ 365 ngày trở xuống và giá trị cho vay không quá 5 triệu USD hoặc loại ngoại tệ tương đương. 2. Trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài không thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng trong quá trình thực hiện phát sinh các nội dung thay đổi tăng kim ngạch cho vay, kéo dài thời hạn cho vay dẫn tới thuộc trường hợp phải đăng ký thì Thành viên phải thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định tại Thông tư này trước khi thực hiện nội dung thay đổi. 3. Trường hợp phát sinh nội dung thay đổi đối với các khoản cho vay ra nước ngoài đã được xác nhận đăng ký, Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải đăng ký thay đổi trước khi thực hiện đối với các thay đổi sau:	minh cho Điều 14 dự thảo Thông tư nêu trên. Quy định cho vay ra nước ngoài hiện hành yêu cầu phải đăng ký mọi khoản cho vay bất kể giá trị, thời hạn cho vay; tuy nhiên, nếu áp dụng quy định tương đồng vào Trung tâm Tài chính sẽ không phù hợp với tính chất đặc thù của Trung tâm tài chính (Thành viên TTTC đã phải tuân thủ các điều kiện thành lập và cơ bản là các tổ chức tài chính chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp lớn). 3. Dự thảo quy định các trường hợp phải đăng ký thay đổi là các trường hợp thay đổi thông tin quan trọng của khoản cho vay, trong đó, tăng giá trị khoản cho vay, tăng thời hạn cho vay có tính chất như mở rộng khoản cho vay mới, các trường hợp thay đổi bên cho vay, bên đi vay hoặc ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản đối với tài khoản vốn.
		a. Thay đổi tăng giá trị khoản cho vay; b. Thay đổi tăng thời hạn cho vay; c. Thay đổi bên đi vay, tên bên đi vay; d. Thay đổi bên cho vay, tên bên cho vay; e. Thay đổi ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản đối với tài khoản vốn.	
17		Điều 17. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài 1. Bên cho vay gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Điều 16 Thông tư này tới cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận cho vay đối với khoản cho vay thuộc đối tượng phải đăng ký quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Thông tư này.	Quy trình thực hiện đăng ký đang được quy định tương tự như đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài hiện hành; trong đó, thời gian xử lý hồ sơ đăng ký khoản cho vay chỉ là 10 ngày làm việc.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (có nêu rõ lý do) trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	
18	Điều 109. Điều kiện cho vay ra nước ngoài đối với Bên cho vay là thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ 1. Bên cho vay là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được cho vay đối với Bên đi vay là các đối tượng: a) Tổ chức kinh tế thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam có trên 10% phần vốn góp của thành viên hoặc của doanh nghiệp tại Việt Nam không là thành viên. b) Tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam do doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có trên 10% cổ phần, phần vốn góp. 2. Bên cho vay không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho vay đối với Bên đi vay là Tổ chức kinh tế thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam có trên 10% vốn góp của Bên cho vay hoặc của công ty mẹ của Bên cho vay trên lãnh thổ Việt Nam. 3. Giới hạn dư nợ cho vay tối đa bằng mức vốn huy động của dự án đầu tư ra nước ngoài của Bên đi vay theo ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận vốn đầu tư quy	Điều 18. Hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài 1. Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này). 2. Phương án cho vay ra nước ngoài được cấp có thẩm quyền của Thành viên phê duyệt, bao gồm các thông tin cơ bản sau: a) Thông tin về khoản cho vay gồm: Bên đi vay, mục đích sử dụng vốn vay của bên đi vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay, kế hoạch giải ngân, thu hồi nợ gốc và lãi, nguồn vốn ngoại tệ cho vay, các biện pháp phòng ngừa rủi ro liên quan, khả năng thu hồi vốn gốc. b) Việc đáp ứng điều kiện cho vay (kèm theo thông tin về tài liệu, chứng từ chứng minh và dẫn chiếu nội dung, điều khoản tại các tài liệu, chứng từ để làm rõ việc đáp ứng điều kiện cho vay) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. 3. Thỏa thuận cho vay hoặc bản tóm tắt thông tin về thỏa thuận cho vay do bên cho vay tự chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin cung cấp, gồm ngày ký thỏa thuận, trích dẫn các điều khoản quy định về thời hạn cho vay, mục đích cho vay, bên cho vay, kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ.	Thành phần hồ sơ quy định theo hướng đơn giản hóa, cho phép Bên cho vay tự khai báo việc tuân thủ điều kiện song phải trích dẫn cụ thể các tài liệu chứng minh để phục vụ việc kiểm tra, hậu kiểm.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	định và không vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu của Thành viên được ghi nhận tại báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất hoặc vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của Thành viên trong trường hợp Thành viên mới thành lập và chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán. 4. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại Nghị định này. 5. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ không thuộc khoản 4 Điều này đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính theo văn bản hướng dẫn Nghị quyết về Trung tâm tài chính (nếu có). 6. Không có nợ thuế với ngân sách nhà nước trong 01 năm liền trước năm thực hiện giao dịch cho vay ra nước ngoài (trừ trường hợp năm đầu thành lập).		
19	Theo quy định tại Điều 108 đã nêu trên.	Điều 19. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài 1. Bên cho vay gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Điều 18 Thông tư này tới cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi hoặc trước khi thực hiện nội dung thay đổi trong trường hợp nội dung thay đổi không có thỏa thuận thay đổi đối với khoản cho vay thuộc đối tượng phải đăng ký thay đổi quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này. 2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (có nêu rõ lý do) trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trình tự thực hiện được quy định tương tự thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài hiện hành.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
20	Theo quy định tại Điều 108 đã nêu trên.	Điều 20. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài 1. Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này). 2. Thỏa thuận thay đổi khoản cho vay hoặc bản tóm tắt thông tin về thỏa thuận thay đổi khoản cho vay do bên cho vay tự chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin cung cấp. 3. Báo cáo việc đáp ứng điều kiện cho vay (kèm theo thông tin về tài liệu, chứng từ chứng minh và dẫn chiếu nội dung, điều khoản tại các tài liệu, chứng từ để làm rõ việc đáp ứng điều kiện cho vay) theo quy định tại Nghị định quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam tại thời điểm thay đổi khoản cho vay.	Thành phần hồ sơ quy định theo hướng đơn giản hóa, cho phép Bên cho vay tự khai báo việc tuân thủ điều kiện song phải trích dẫn cụ thể tên các tài liệu chứng minh và thông tin có trong tài liệu chứng minh việc tuân thủ điều kiện để phục vụ việc kiểm tra, hậu kiểm.
V	Chương V: QUY ĐỊNH VỀ KHAI BÁO, BÁO CÁO, ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BÊN ĐI VAY TRONG NƯỚC		
21	Điều 110. Nguyên tắc cho vay đối với Bên đi vay trong nước 1. Thành viên được cho vay bằng ngoại tệ đối với Bên đi vay trong nước. 2. Bên đi vay trong nước phải tuân thủ quy định về điều kiện vay quy định tại Điều 111 Nghị định này, quy định về thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay, thủ tục khai báo khoản vay, chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này và quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.	Điều 21. Các khoản vay thuộc đối tượng đăng ký, đăng ký thay đổi, khai báo khoản vay từ Thành viên 1. Các khoản vay thuộc đối tượng phải đăng ký gồm khoản vay trung dài hạn và khoản vay ngắn hạn chuyên trung dài hạn (có thỏa thuận gia hạn hoặc còn dư nợ gốc tại thời điểm 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, trừ trường hợp bên đi vay trả được toàn bộ nợ gốc trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ thời điểm tròn 01 năm tính từ ngày rút vốn đầu tiên) trong các trường hợp sau: a) Khoản vay có giá trị vay trên 10 triệu Đô la Mỹ hoặc loại ngoại tệ tương đương đối với mục đích vay để thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và cơ cấu nợ.	Thông tư quy định tương tự như trường hợp bên đi vay vay nước ngoài song có ưu đãi hơn vay nước ngoài ở các điểm: + Cho phép các trường hợp vay trung dài hạn không phải đăng ký, chỉ phải khai báo (vay nước ngoài phải đăng ký mọi khoản vay); + Nâng giá trị các khoản vay thuộc đối tượng phải đăng ký và phân chia mức giá trị thuộc đối tượng đăng ký theo mục đích vay.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	Điều 112. Thủ tục khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi, báo cáo khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước Bên đi vay trong nước phải khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay và báo cáo khoản vay từ Thành viên với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	b) Khoản vay có giá trị vay trên 20 triệu Đô la Mỹ hoặc loại ngoại tệ tương đương đối với mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư. 2. Các khoản vay của bên đi vay trong nước thuộc đối tượng phải khai báo gồm: a) Khoản vay ngắn hạn có giá trị trên 1 triệu USD; b) Khoản vay trung dài hạn có giá trị vay từ 5 triệu USD đến 10 triệu Đô la Mỹ hoặc loại ngoại tệ tương đương đối với mục đích vay để thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và cơ cấu nợ. c) Khoản vay trung dài hạn có giá trị vay từ 5 triệu USD đến 20 triệu Đô la Mỹ hoặc loại ngoại tệ tương đương đối với mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư. 3. Bên đi vay trong nước phải đăng ký thay đổi đối với các khoản vay từ Thành viên trước khi thực hiện các nội dung thay đổi sau: a) Tăng giá trị khoản vay. b) Trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ khoản vay hoặc kéo dài thời hạn vay.	Việc phân biệt theo mục đích vay (thực hiện dự án đầu tư hoặc kế hoạch sản xuất, kinh doanh) là do các dự án đầu tư là các dự án đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp chứng nhận/chấp thuận chủ trương đầu tư nên có đầy đủ thông tin xác thực về quy mô vay vốn; các trường hợp vay để thực hiện hoạt động kinh doanh nói chung thông thường sẽ do doanh nghiệp chủ động xác định quy mô, cơ cấu vốn, do đó cần được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xác nhận đăng ký ở mức thấp hơn để đảm bảo chặt chẽ.
		c) Mục đích vay d) Kế hoạch rút vốn, trả nợ gốc của một hoặc nhiều kỳ rút vốn, trả nợ ngoài phạm vi của năm đã được xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi hiện tại. e) Tên bên đi vay, tên bên cho vay. f) Bên đi vay trong nước trong trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập g) Bên cho vay hoặc đại diện các bên cho vay đã được ghi nhận tại văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi. h) Tăng lãi suất vay.	

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
22	Theo quy định tại Điều 102 đã nêu trên.	Điều 22. Trình tự đăng ký khoản vay từ Thành viên 1. Bên đi vay nộp hồ sơ đăng ký khoản vay từ Thành viên tới Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 Thông tư này trong thời hạn: a) 30 ngày làm việc kể từ ngày ký thỏa thuận vay trung, dài hạn; b) 30 ngày làm việc kể từ ngày ký thỏa thuận gia hạn khoản vay ngắn hạn thành trung, dài hạn; d) 60 ngày làm việc tính từ ngày tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên đối với khoản vay ngắn hạn được gia hạn thành trung dài hạn mà ngày ký thỏa thuận gia hạn sau 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên; hoặc khoản vay ngắn hạn không có thỏa thuận gia hạn nhưng còn dư nợ gốc tại thời điểm 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. 2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký gửi Bên đi vay văn bản xác nhận đăng ký khoản vay. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký có văn bản nêu rõ lý do.	Quy định này được xây dựng tương tự quy định về đăng ký khoản vay nước ngoài hiện hành.
23	Điều 111. Điều kiện vay từ Thành viên áp dụng đối với Bên đi vay trong nước Bên đi vay trong nước được vay vốn từ Thành viên phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: 1. Trường hợp thực hiện khoản vay có kỳ hạn vay theo thỏa thuận từ 01 năm trở xuống, bên đi vay trong nước (trừ bên đi vay là tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên) phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá tại thời	Điều 23. Hồ sơ đăng ký khoản vay từ Thành viên 1. Đơn đăng ký khoản vay theo quy định (theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này). 2. Báo cáo về việc đáp ứng điều kiện vay (kèm theo thông tin về tài liệu, chứng từ chứng minh và dẫn chiếu nội dung, điều khoản tại các tài liệu, chứng từ để làm rõ việc đáp ứng điều kiện cho vay) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí	Hồ sơ đăng ký khoản vay từ Thành viên cũng được xây dựng trên cơ sở tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của Thành viên, thể hiện ở việc yêu cầu Thành viên có Báo cáo việc đáp ứng điều kiện vay, không yêu cầu Bên đi vay lập Phương án sử dụng vốn, Phương án cơ cấu nợ như với trường hợp vay nước ngoài, các loại giấy chứng nhận đăng ký

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	điểm rút vốn hoặc đảm bảo nguồn ngoại tệ để trả nợ vay, phải khai báo, báo cáo khoản vay theo quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. 2. Đồng tiền nhận nợ, rút vốn, trả nợ là ngoại tệ. 3. Bên đi vay trong nước sử dụng vốn vay cho các mục đích vay sau: a) Đối với bên đi vay không phải là ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên, mục đích vay nhằm thực hiện dự án đầu tư, kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với phạm vi hoạt động được phép của bên đi vay trong nước và cơ cấu lại khoản nợ bao gồm nợ nước ngoài và khoản nợ thành viên. b) Bên đi vay trong nước là tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên phải sử dụng vốn vay cho các mục đích sau:	hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. 3. Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt thỏa thuận vay nước ngoài và thỏa thuận gia hạn khoản vay ngắn hạn thành trung, dài hạn (nếu có). 5. Báo cáo của Bên đi vay trong nước (kèm theo sao kê có thông tin giao dịch rút vốn, trả nợ gốc của tài khoản thực hiện khoản vay từ Thành viên) về tình hình rút vốn, trả nợ gốc đến thời điểm đăng ký khoản vay trong các trường hợp sau: a) Trường hợp vay để cơ cấu lại khoản nợ; b) Trường hợp khoản vay ngắn hạn chuyển trung dài hạn.	đầu tư/chấp thuận chủ trương đầu tư,...). Một số thành phần hồ sơ được giản lược như thỏa thuận bảo lãnh, xác nhận của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản,... Tuy nhiên, Bên đi vay cần nêu thông tin cụ thể về các tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện vay và trích dẫn nội dung chứng minh, phục vụ việc kiểm tra, hậu kiểm sau này.
	(i) Phục vụ hoạt động cấp tín dụng của bên đi vay trong nước trong đó tối thiểu 50% giá trị khoản vay được sử dụng để cho vay lại các lĩnh vực ưu tiên xác định theo các quy định của pháp luật hiện hành hoặc các văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (ii) Cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài và khoản nợ thành viên của Bên đi vay trong nước. 5. Bên đi vay trong nước phải đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành (nếu có).		

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
24	Theo quy định tại Điều 102 đã nêu trên.	Điều 24. Trình tự đăng ký thay đổi khoản vay từ Thành viên 1. Bên đi vay trong nước gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay từ Thành viên theo quy định tại Điều 24 Thông tư này tới cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi hoặc trước khi thực hiện nội dung thay đổi trong trường hợp nội dung thay đổi không có thỏa thuận thay đổi đối với khoản vay thuộc đối tượng phải đăng ký thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này. 2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký khoản vay từ thành viên (có nêu rõ lý do) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Quy định tương tự trình tự đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài hiện hành.
25	Theo quy định tại Điều 102 đã nêu trên.	Điều 25. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay từ Thành viên 1. Đơn đăng ký thay đổi khoản vay. 2. Bản sao và bản dịch tiếng Việt các thỏa thuận thay đổi liên quan đến nội dung bên đi vay đăng ký thay đổi. 3. Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư này đối với trường hợp thay đổi tăng số tiền vay, thay đổi mục đích sử dụng khoản vay đối với phần tiền vay chưa thực hiện. 4. Báo cáo của Bên đi vay trong nước (kèm theo sao kê tài khoản mở tại tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản) về tình hình rút vốn, trả nợ (gốc, lãi) đến thời điểm đăng ký thay đổi khoản vay trong các trường hợp đăng ký thay đổi số tiền vay, kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ hoặc thay đổi ngân hàng thương mại cung ứng dịch vụ tài khoản.	Thành phần hồ sơ quy định theo tương tự trường hợp đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài; tuy nhiên, Bên đi vay được chủ động báo cáo tình hình thực hiện khoản vay mà không cần xin xác nhận của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản như đăng ký vay nước ngoài.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
VI	Chương VI: HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI		
26		Điều 26. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước 1. Hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị (theo mẫu tại Phụ lục số ... ban hành kèm theo Thông tư này); b) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm liền kề trước năm nộp hồ sơ; c) Bản sao thống báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế tại thời điểm gần nhất theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế; d) Báo cáo về việc tuân thủ các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của năm liền kề năm nộp hồ sơ.	Căn cứ khoản 2 Điều 117 dự thảo Nghị định quy định về điều kiện để thực hiện tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: (i) Điều 26 dự thảo Thông tư quy định về thành phần về hồ sơ (tương ứng với yêu cầu tại Nghị định), trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; (ii) Điều 27 dự thảo Thông tư quy định, thủ tục thu hồi/chấm dứt giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài/hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài
		d) Quy định nội bộ về quản lý hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong đó có nội dung về cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; đ) Báo cáo về tình hình tuân thủ các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, hoạt động nhận ủy thác của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước của năm liền kề năm nộp hồ sơ. 2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký: a) Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản	(tương tự như quy định hiện hành đối với hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tại Thông tư 10/2016/TT-NHNN. Các quy định này là phù hợp, rõ ràng, đơn giản để triển khai trong thực tế), giúp cơ quan quản lý có thể nhanh chóng xử lý hồ sơ

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		1 Điều này đến Cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ; b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cho Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
27		Điều 27. Thu hồi/Chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài 1. Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước bị buộc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận đăng ký) trong trường hợp gian dối, giả mạo thông tin liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký. 2. Ngay sau khi nhận được ý kiến chính thức bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền về hành vi gian dối, giả mạo thông tin liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký, cơ quan có thẩm quyền có quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký. 3. Kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước có trách nhiệm: a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký cho cơ quan có thẩm quyền;	Căn cứ khoản 2 Điều 117 dự thảo Nghị định quy định về điều kiện để thực hiện tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: (i) Điều 26 dự thảo Thông tư quy định về thành phần về hồ sơ (tương ứng với yêu cầu tại Nghị định), trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; (ii) Điều 27 dự thảo Thông tư quy định, thủ tục thu hồi/chấm dứt giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài/hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (tương tự như quy định hiện hành đối với hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tại Thông tư 10/2016/TT-NHNN. Các quy định này là phù hợp, rõ ràng, đơn giản để triển khai trong thực tế), giúp cơ quan quản lý có thể nhanh chóng xử lý hồ sơ

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		b) Công bố thông tin trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ trên trang thông tin điện tử của mình về quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký; c) Không tiếp tục chuyển tiền ra nước ngoài theo hạn mức đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký; không tiếp tục thực hiện các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; không gia hạn các khoản đầu tư đã thực hiện; d) Không ký mới, gia hạn các hợp đồng ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư, đóng tài khoản nhận ủy thác, chuyển toàn bộ số dư tiền và công cụ đầu tư cho khách hàng ủy thác theo chỉ thị của khách hàng; e) Thực hiện xử lý các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo phương án đã được cấp có thẩm quyền thông qua; f) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả xử lý trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực.	
VII	Chương VII: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN		
28		Điều 28. Nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối và báo cáo của Thành viên 1. Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ không phải thực hiện đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, nhưng phải thực hiện chế độ báo cáo theo mẫu tại phụ lục số... ban hành kèm theo Thông tư này.	Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 116 dự thảo Nghị định, Điều 28 dự thảo Thông tư quy định nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối và báo cáo của Thành viên. Điều 29 dự thảo Thông tư quy định hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		2. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải thực hiện: a) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài. b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trước khi thực hiện các nội dung thay đổi sau: b1) Thay đổi Thành viên thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài; thay đổi tên Thành viên; b2) Thay đổi tài khoản vốn bằng loại ngoại tệ khác, thay đổi nơi mở tài khoản vốn; b3) Thay đổi liên quan đến tăng hoặc giảm vốn đầu tư bằng tiền của Thành viên (trừ trường hợp sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư dự án ở nước ngoài); b4) Thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài của Thành viên trong trường hợp số tiền chuyển ra nước ngoài trong kỳ nhiều hơn so với tiến độ đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký. 3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, Thành viên quy định tại khoản 2 Điều này phải thực hiện thông báo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và tổ chức tín dụng được phép nơi Thành viên mở tài khoản vốn kèm tài liệu chứng minh khi phát sinh nội dung thay đổi sau đây: b) Thay đổi tên dự án đầu tư ở nước ngoài; c) Thay đổi về số tài khoản trừ trường hợp quy định tại tiết (ii) điểm b Khoản 1 Điều này.	Điều 30 dự thảo Thông tư quy định cụ thể hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài
29		Điều 29. Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài	Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 116 dự thảo Nghị định,

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		1. Hồ sơ đăng ký bao gồm: a) Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số ... ban hành kèm theo Thông tư này). b) Bản sao hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên hoặc tài liệu chứng minh được công nhận làm Thành viên. c) Bản sao tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư. d) Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về việc mở tài khoản vốn của Thành viên trong đó nêu rõ số tài khoản, loại ngoại tệ. đ) Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về số tiền Thành viên đã chuyển ra nước ngoài	Điều 29 dự thảo Thông tư quy định hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài. Điều 30 dự thảo Thông tư quy định cụ thể hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài
		trước khi được cấp giấy phép để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài. 2. Trình tự thực hiện thủ tục thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối: a) Thành viên gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều Thông tư này. b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản xác nhận đăng ký hoặc từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài gửi Thành viên. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, cơ quan có thẩm quyền có văn bản nêu rõ lý do.	

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
30		Điều 30. Hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài 1. Hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm: a) Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số ban hành kèm theo Thông tư này). b) Bản chính xác nhận của tổ chức tín dụng được phép nơi Thành viên đang mở tài khoản vốn về số dư trên tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài và số tiền đã chuyển về Việt Nam đến thời điểm phát sinh thay đổi. c) Bản sao Giấy phép đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (áp dụng đối với các trường hợp thay đổi quy định tại tiết (ii), (iii) điểm b Khoản 1 Điều ... Thông tư này). 2. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi: a) Thành viên gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký thay theo quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền. b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi cho Thành viên. c) Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Thành viên, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	
VIII	Chương VIII: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO		
31	Điều 121. Trách nhiệm báo cáo đối với thành viên	Điều 31. Chế độ báo cáo đối với Thành viên	

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	1. Thành viên có trách nhiệm báo cáo Cơ quan có thẩm quyền về: a) Tình hình thực hiện khoản vay, cho vay của thành viên với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và với tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên. b) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài và hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam. 2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết thi hành Điều này. Điều 90. Chế độ báo cáo thống kê 1. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính/ Ngân hàng Nhà nước quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính, trừ trường hợp thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động ngoại hối theo quy định tại Chương IX Nghị định này. 2. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính có trách nhiệm phối hợp, cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin báo cáo thống kê thu thập từ các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính theo cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin hoặc trong trường hợp cần thiết. 3. Ngân hàng là thành viên phải thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật.	1. Thành viên có trách nhiệm báo cáo Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế trên hệ thống báo cáo tập trung theo mẫu quy định tại Phụ lục... Thông tư này về: a) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài theo định kỳ hàng tuần kể từ khi phát sinh giao dịch chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài. b) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài theo định kỳ hàng tháng kể từ khi phát sinh giao dịch chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài. c) Tình hình thực hiện giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam theo định kỳ hàng tuần đối với hoạt động đầu tư gián tiếp; theo định kỳ hàng tháng đối với hoạt động đầu tư trực tiếp kể từ khi phát sinh giao dịch chuyển tiền đầu tư. d) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động cho vay ra nước ngoài, vay nước ngoài theo định kỳ hàng tháng kể từ thời điểm phát sinh giao dịch chuyển tiền. 2. Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản là Thành viên có trách nhiệm báo cáo Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế trên hệ thống báo cáo tập trung theo mẫu quy định tại Phụ lục... Thông tư này về: a) Tình hình thực hiện giao dịch chuyển tiền trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế, chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài và hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn	Thông tư quy định chế độ báo của cả Thành viên và Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản, trong đó: + Ngân hàng báo cáo số tổng về tình hình thực hiện phân theo loại giao dịch cụ thể: vay, cho vay, đầu tư. + Thành viên báo cáo chi tiết các giao dịch của bản thân Thành viên, làm cơ sở nắm bắt chi tiết các Thành viên nào có giao dịch lớn. <i>(Mẫu biểu báo cáo trong đó nêu rõ: nội dung, tần suất, đối tượng báo cáo...)</i>

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	Điều 122. Trách nhiệm báo cáo của ngân hàng là thành viên 1. Ngân hàng là thành viên có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về: a) Tình hình thực hiện giao dịch chuyển tiền trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 4 Điều 102 Nghị định này. b) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản vốn của thành viên quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định này. 2. Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết thi hành Điều này.	lại của Việt Nam của Thành viên theo định kỳ hàng tuần kể từ khi phát sinh giao dịch chuyển tiền. b) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản vốn của Thành viên liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài theo định kỳ hàng tuần đối với hoạt động đầu tư gián tiếp; theo định kỳ hàng tháng đối với hoạt động đầu tư trực tiếp kể từ khi phát sinh giao dịch chuyển tiền. c) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản vốn của Thành viên liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam theo định kỳ hàng tuần đối với hoạt động đầu tư gián tiếp; theo định kỳ hàng tháng đối với hoạt động đầu tư trực tiếp. d) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản vốn của Thành viên liên quan đến các hoạt động cho vay ra nước ngoài, cho vay bên đi vay trong nước và vay nước ngoài của Thành viên theo định kỳ hàng tháng.	
32	Điều 112. Thủ tục khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi, báo cáo khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước Bên đi vay trong nước phải khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay và báo cáo khoản vay từ Thành viên với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Điều 32. Chế độ báo cáo đối với Bên đi vay trong nước Bên đi vay trong nước thực hiện chế độ báo cáo khoản vay từ Thành viên theo chế độ báo cáo trong trường hợp vay nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý vay trả nợ nước ngoài.	Bên đi vay trong nước cần báo cáo chi tiết hoạt động vay từ thành viên để làm cơ sở dữ liệu theo dõi các khoản vay lớn, các bên đi vay có khối lượng giao dịch lớn.
33		Điều 33. Cơ chế phối hợp thông tin của Cơ quan giám sát Sau khi tiếp nhận thông tin báo cáo của các bên có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 31 Thông tư này, Cơ quan giám sát có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của số liệu, tổng hợp, đánh giá quy mô của dòng vốn vào Trung tâm	Cơ quan Giám sát TTTC là đầu mối tiếp nhận báo cáo song cần có cơ chế phối hợp cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng thuộc NHNN để theo dõi dòng vốn, đảm bảo yêu cầu quản lý.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		tài chính quốc tế, đồng vốn từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài, đồng vốn từ Trung tâm tài chính quốc tế vào Việt Nam và gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối và Vụ Dự báo thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính) theo định kỳ hàng tháng hoặc báo cáo đột xuất trong trường hợp cần thiết.	
Chương IX: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN			
34	Điều 103. Nguyên tắc minh bạch dòng tiền 1. Thành viên, nhà đầu tư nước ngoài và các bên liên quan trong các giao dịch chuyển tiền thực hiện hoạt động nêu tại khoản 2 và khoản 4 Điều 102 có trách nhiệm ghi rõ mục đích của giao dịch chuyển tiền để ngân hàng là thành viên cung ứng dịch vụ tài khoản có cơ sở đối chiếu, kiểm tra, lưu giữ chứng từ và thực hiện giao dịch.	Điều 34. Trách nhiệm của nhà đầu tư nước ngoài 1. Tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Ghi rõ mục đích chuyển tiền theo quy định tại Thông tư này tại các lệnh chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế. 3. Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến đầu tư đầu tư từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế theo yêu cầu và hướng dẫn của ngân hàng được phép và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu, chứng từ đã xuất trình cho ngân hàng được phép.	Quy định này góp phần minh bạch, công khai dòng tiền ra vào TTCQT, nâng cáo trách nhiệm của NĐTNN và giúp cơ quan quản lý tác phòng chống rửa tiền.
35		Điều 35. Trách nhiệm của bên đi vay trong nước 1. Tuân thủ các quy định về quản lý vay, trả nợ tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan khi ký kết và thực hiện thỏa thuận vay từ Thành viên, thỏa thuận bảo đảm khoản vay. 2. Xuất trình chứng từ theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản vay từ Thành viên. 3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp, khai báo, báo cáo;	Quy định các trách nhiệm cơ bản của Bên đi vay trong nước gồm tuân thủ quy định tại Thông tư này, xuất trình chứng từ tài liệu, chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp và cung cấp tài liệu khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu (trong quá trình xử lý thủ tục hành chính hoặc thanh tra, kiểm tra, giám sát,...).

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		các thông tin, tài liệu cung cấp kèm theo hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay, các báo cáo gửi đến cơ quan có thẩm quyền; các thông tin cung cấp, các chứng từ xuất trình cho ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản vay từ Thành viên. 4. Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến các hoạt động ngoại hối theo quy định tại Thông tư này theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	
36	Điều 124. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên trong hoạt động ngoại hối tại Trung tâm tài chính 1. Quyền và nghĩa vụ về thông tin, báo cáo của ngân hàng là thành viên: a) Báo cáo các thông tin, số liệu liên quan đến ngoại hối và hoạt động ngoại hối theo đúng thời hạn quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động ngoại hối; b) Yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin nhằm phục vụ việc thu thập số liệu, thông tin liên quan đến ngoại hối và hoạt động ngoại hối; c) Giữ bí mật và chịu trách nhiệm về các thông tin thuộc danh mục bí mật của ngành ngân hàng. 2. Quyền và nghĩa vụ về thông tin, báo cáo của tổ chức và cá nhân: a) Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động ngoại hối có nghĩa vụ cung cấp các thông tin, số liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo thời hạn theo quy định hiện hành về hoạt động ngoại hối;	Điều 36. Trách nhiệm của Thành viên 1. Tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến các hoạt động ngoại hối theo quy định tại Thông tư này theo yêu cầu của ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu, chứng từ đã xuất trình.	Trách nhiệm của Thành viên được quy định tại cả Nghị định và Thông tư, và có tính tương thích để đảm bảo chặt chẽ.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	b) Cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp các thông tin hướng dẫn để thực hiện đúng các chính sách về quản lý ngoại hối. 3. Thành viên tự chịu trách nhiệm về các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài, trong Trung tâm tài chính, từ Trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam. Tổ chức không là thành viên tự chịu trách nhiệm về các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính. Chính phủ không chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện các giao dịch đầu tư từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài, trong Trung tâm tài chính và từ Trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam của Thành viên và từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính của tổ chức không là thành viên. 4. Thành viên tự chịu trách nhiệm vay, trả nợ, cho vay, thu hồi nợ với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cho vay, thu hồi nợ với tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên. Chính phủ không chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện các giao dịch vay, trả nợ, cho vay, thu hồi nợ của thành viên		
37	Điều 122. Trách nhiệm báo cáo của ngân hàng là thành viên 1. Ngân hàng là thành viên có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về:	Điều 37. Trách nhiệm của Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản 1. Yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài, thành viên ghi rõ mục đích chuyển tiền tại lệnh chuyển tiền theo quy định tại Thông tư này; cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan	Trách nhiệm của Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản bao gồm NH Thành viên và NH trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên (cung ứng dịch vụ cho bên đi vay trong nước).

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	a) Tình hình thực hiện giao dịch chuyển tiền trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 4 Điều 102 Nghị định này. b) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản vốn của thành viên quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định này. Điều 123. Kiểm tra chứng từ Ngân hàng là thành viên khi thực hiện các giao dịch ngoại hối cho khách hàng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, lưu trữ các giấy tờ và các chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật; xây dựng và tự chịu trách nhiệm về nội dung của quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý rủi ro đối với hoạt động ngoại hối 2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết thi hành Điều này.	đến các giao dịch chuyển tiền qua các tài khoản thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài, thành viên. 2. Xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối cho nhà đầu tư nước ngoài, Thành viên được thực hiện đúng mục đích, tuân thủ quy định của pháp luật và tự chịu trách nhiệm đối với các giao dịch này. 3. Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. 4. Thực hiện việc cung ứng dịch vụ tài khoản cho các giao dịch liên quan đến khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước theo quy định tại Thông tư này trên cơ sở: a) Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước (trong trường hợp khoản vay thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng ký thay đổi); hoặc bản chụp màn hình đã khai báo khoản vay (trong trường hợp khoản vay thuộc đối tượng khai báo); b) Thỏa thuận vay, thỏa thuận thay đổi thỏa thuận vay và các thỏa thuận khác có liên quan đến khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước; c) Bảo cáo đáp ứng điều kiện vay áp dụng đối với các khoản vay không thuộc đối tượng đăng ký, đăng ký thay đổi (kèm theo thông tin về tài liệu, chứng từ chứng minh và dẫn chiếu nội dung, điều khoản tại các tài liệu, chứng từ để làm rõ việc đáp ứng điều kiện cho vay) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài	Trách nhiệm của NH cung ứng dịch vụ được quy định chi tiết tại Thông tư và tương thích với Nghị định để đảm bảo chặt chẽ.

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
		trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. d) Tài liệu chứng minh bên đi vay thực hiện nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro ngoại tệ áp dụng đối với khoản vay ngắn hạn; đ) Hồ sơ, tài liệu khác theo quy định nội bộ của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản. 5. Thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu tính khớp đúng của các đề nghị chuyển tiền (rút vốn, trả nợ) với các tài liệu do bên đi vay và các bên liên quan xuất trình để đảm bảo các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản vay phù hợp với văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi (trong trường hợp khoản vay phải đăng ký, đăng ký thay đổi), thỏa thuận vay và các thỏa thuận khác có liên quan. 6. Cung cấp thông tin chính xác về khoản vay của bên đi vay (bao gồm các nội dung số tiền đã rút vốn, trả nợ; thời gian rút vốn, trả nợ; thông tin tham chiếu thỏa thuận vay, bên cho vay) theo yêu cầu của bên đi vay trong nước hoặc khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.	
38	Điều 125. Trách nhiệm của Cơ quan giám sát 1. Cơ quan giám sát tổ chức có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong trường hợp Thành viên không tuân thủ các quy định về chế độ khai báo, báo cáo, thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này và quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. 2. Cơ quan giám sát có trách nhiệm gửi báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện các khoản vay, cho vay, đầu tư của Thành viên theo quy định tại Nghị định này và quy định của Thống đốc Ngân	Điều 38. Trách nhiệm của Cơ quan có thẩm quyền 1. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư này. 2. Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác xây dựng, điều hành chính sách phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.	

STT	QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH ĐỀ XUẤT TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH (Cơ sở đề xuất quy định tại dự thảo Thông tư)
	hàng Nhà nước cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.		
	Chương X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		
		Điều 39. Điều khoản thi hành Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm	
39		Điều 40. Tổ chức thực hiện Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đà Nẵng, Cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./	